TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 05 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị Lạc S, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Nguyễn Quang S1, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 18/6/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung. Tuy nhiên trong 3 năm trở lại đây, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang S1 và chị Nguyễn Thị Lạc S mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 xác định có một con chung là Nguyễn Quý T, sinh ngày 01/02/2020, hiện nay đang ở cùng chị S. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi, anh S1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 05/01/2023 cho đến khi cháuTrọng đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 đều xác định không có.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị S và anh S1 mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 xác định có một con chung là Nguyễn Quý T, sinh ngày 01/02/2020. Giao con chung là Nguyễn Quý T cho chị Nguyễn Thị Lạc S trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Quang S1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 05/01/2023 cho đến khi Nguyễn Quý T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh S1, chị S hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lạc S và anh Nguyễn Quang S1 xác định không có.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị S và anh S1 mỗi người tự nguyện chịu ½ và được

khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005145 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh